BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 11969 /BNNMT-KHCN V/v khẩn trương, tập trung triển khai truy xuất nguồn gốc nông, lâm, thủy sản	*Hà Nội, ngày 18 tháng 10 năm 2026*

Kính gửi:

- Các đồng chí Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Các Vụ: Khoa học và Công nghệ, Kế hoạch - Tài chính, Pháp chế;
- Cục Chuyển đổi số;
- Các Cục: Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; Chăn nuôi và Thú y; Thủy sản và Kiểm ngư; Lâm nghiệp và Kiểm lâm; Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường;
- Trung tâm Khuyến nông quốc gia.

Nhằm tổ chức triển khai nghiêm, có hiệu quả Chương trình số 02-CTr/BCĐTW và Thông báo số 20-TB/CQTTBCĐ của Ban Chỉ đạo Trung ương; các Quyết định số 11/QĐ-BCĐCP, 2815/QĐ-TTg, 808/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng tại các Công văn số 8998/VPCP-NN số 10270/VPCP-NN và Công văn số 5393/TGV ngày 07/10/2026 của Tổ Giúp việc Ban Chỉ đạo Trung ương; Bộ trưởng đề nghị các đồng chí Thứ trưởng chỉ đạo theo lĩnh vực phụ trách, yêu cầu Thủ trưởng các đơn vị khẩn trương, tập trung triển khai truy xuất nguồn gốc nông, lâm, thủy sản (viết tắt là TXNG nông sản), cụ thể như sau:

1. Các Cục quản lý chuyên ngành (Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; Chăn nuôi và Thú y; Thủy sản và Kiểm ngư; Lâm nghiệp và Kiểm lâm; Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường) và Cục Chuyển đổi số

a) Chủ động lựa chọn sản phẩm, chuỗi, địa phương, doanh nghiệp, hợp tác xã và đơn vị cung cấp giải pháp TXNG; phối hợp trực tiếp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các chủ thể tổ chức TXNG điện tử toàn trình. Nhiệm vụ cụ thể tại Phụ lục I.

b) Chậm nhất ngày 30/11/2026, mỗi Cục phải hoàn thành TXNG theo phương thức điện tử toàn trình đối với ít nhất 01 sản phẩm chủ lực của chuỗi được lựa chọn tại địa phương, đáp ứng Phụ lục II; tiếp tục mở rộng từ tháng 12/2026.

c) Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tiếp tục triển khai TXNG điện tử toàn trình chuỗi sầu riêng xuất khẩu; phối hợp với địa phương, doanh nghiệp và đơn vị đồng hành, cung cấp giải pháp mở rộng tối đa phạm vi, quy mô.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

d) Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường chủ trì TXNG đối với thực phẩm chế biến quy mô công nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Bộ.

đ) Cục Chuyển đổi số

- Chủ trì kết nối, tích hợp dữ liệu trên phạm vi cả nước; ưu tiên các đơn vị đã đăng ký, đang kiểm thử, tiếp tục mở rộng kết nối; phối hợp liên thông với các nền tảng quốc gia.

- Hướng dẫn chuẩn dữ liệu, API; hỗ trợ kết nối, kiểm thử, đối soát và xác nhận kỹ thuật. Kế thừa hệ thống, dữ liệu hiện có; bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu.

- Rà soát hồ sơ pháp lý, kỹ thuật và hoàn tất tiếp nhận mã nguồn, tài liệu, quyền quản trị từ NETACOM theo đúng quy định; quản trị, vận hành, sao lưu và xử lý sự cố. Cục trưởng chịu trách nhiệm về kết nối, tích hợp, vận hành Hệ thống và xác nhận kết quả kỹ thuật.

2. Các Vụ và Trung tâm Khuyến nông quốc gia

a) Vụ Khoa học và Công nghệ theo dõi, đôn đốc các đơn vị; tham mưu tổ chức kiểm tra, đối soát thông tin trên Hệ thống TXNG và triển khai thực tế tại cơ sở; tham mưu hoàn thiện quy định, kế hoạch TXNG nông sản; phối hợp với Cục Chuyển đổi số và các Cục chuyên ngành để hoàn thiện Hệ thống TXNG.

b) Vụ Kế hoạch - Tài chính tổng hợp nhu cầu, tham mưu bố trí kinh phí; hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng kinh phí theo quy định.

c) Vụ Pháp chế rà soát, tham mưu xử lý vướng mắc về áp dụng pháp luật liên quan đến TXNG và dữ liệu.

d) Trung tâm Khuyến nông quốc gia phối hợp với các Vụ, Cục, địa phương tập huấn, hướng dẫn ghi chép, số hóa và thực hành TXNG.

3. Tiến độ và tổ chức thực hiện

a) Trước ngày 20/10/2026, các Cục chuyên ngành gửi kế hoạch, phân công lãnh đạo và công chức đầu mối và Cục Chuyển đổi số gửi danh mục kết nối, lịch hỗ trợ đến Vụ Khoa học và Công nghệ tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Bộ.

b) Trước ngày 30/10/2026, Cục Chuyển đổi số chủ trì tập trung hoàn thành các nội dung kết nối, liên thông, đồng bộ, tích hợp dữ liệu thuộc trách nhiệm của Bộ theo Công văn số 10270/VPCP-NN; các Cục chuyên ngành hoàn thành quy trình, dữ liệu tối thiểu; kiểm thử lô hàng thực tế trước ngày 15/11/2026.

c) Thực hiện nguyên tắc "06 rõ"; Thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm toàn diện trước Bộ trưởng theo chức năng, nhiệm vụ được giao; kịp thời, chủ động xử lý vướng mắc thuộc thẩm quyền, báo cáo Bộ trưởng theo quy định.

d) Định kỳ hàng tuần gửi báo cáo về Bộ (qua Vụ Khoa học và Công nghệ) theo Công văn số 7812/BNNMT-KHCN để báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương và Thủ tướng Chính phủ

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

đ) Giao Thứ trưởng Đặng Ngọc Điệp theo dõi, chỉ đạo, kiểm tra và đôn đốc chung; các Thứ trưởng chỉ đạo triển khai đối với các đơn vị, lĩnh vực được phân công phụ trách.

Bộ trưởng đề nghị các đồng chí Thứ trưởng chỉ đạo và yêu cầu Thủ trưởng các đơn vị khẩn trương tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ;
- Các đơn vị giải pháp TXNG (để p/h);
- Lưu: VT, KHCN (ĐMP).

BỘ TRƯỞNG



Trịnh Việt Hùng

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Phụ lục I

PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ, TRÁCH NHIỆM, SẢN PHẨM VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

(Kèm theo Công văn số /BNNMT-KHCN ngày tháng 10 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm, kết quả	Thời hạn
1	Rà soát hệ thống, nguồn dữ liệu và đề nghị kết nối của các tỉnh, thành phố, doanh nghiệp; lập danh mục, phân loại trạng thái, xác định đầu mối và lịch hỗ trợ.	Cục Chuyển đổi số	Các Cục chuyên ngành; Vụ KHCN; Sở NNMT; doanh nghiệp, đơn vị cung cấp giải pháp.	Danh mục hệ thống, đầu mối của 34 tỉnh, thành phố và các đơn vị; phạm vi dữ liệu, trạng thái, phương thức, lịch kết nối; gửi Vụ KHCN theo dõi.	20/10/2026; cập nhật thường xuyên
2	Hoàn tất kiểm kê, xác nhận tiếp nhận từ NETACOM; phân quyền quản trị; hoàn thiện quy trình vận hành, sao lưu, giám sát và xử lý sự cố.	Cục Chuyển đổi số	NETACOM; đơn vị quản lý hạ tầng, đánh giá an toàn thông tin.	Biên bản tiếp nhận; danh mục mã nguồn, tài liệu, tài khoản; quy trình vận hành; kết quả khắc phục và đánh giá an toàn thông tin.	20/10/2026; bảo đảm an toàn thông tin trước khi vận hành
3	Cập nhật, hướng dẫn cấu trúc dữ liệu, API, xác thực, phân quyền và phương thức kết nối phù hợp; kế thừa hệ thống, dữ liệu hiện có; công bố tiêu chí kiểm thử, đầu mối hỗ trợ.	Cục Chuyển đổi số	Các Cục chuyên ngành; đơn vị cung cấp giải pháp.	Tài liệu kỹ thuật; môi trường kiểm thử; tiêu chí kết nối; đầu mối và quy trình hỗ trợ.	20/10/2026
4	Hoàn thành kết nối, đồng bộ, tích hợp dữ liệu theo Công văn số 10270/VPCP-NN; ưu tiên giải quyết các đề nghị đã tiếp nhận, đã đăng ký	Cục Chuyển đổi số	Các Cục chuyên ngành; địa phương; doanh nghiệp, hợp tác xã; đơn vị cung	Kết quả kiểm thử, đồng bộ, đối soát từng hệ thống; danh mục việc chưa hoàn thành, người	30/10/2026

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

	hoặc đang kiểm thử; mở rộng kết nối mới.		cấp giải pháp.	xử lý và thời hạn khắc phục.	
5	Kết nối, chia sẻ dữ liệu với hệ thống bộ, ngành, Cổng thông tin TXNG quốc gia; phối hợp tích hợp với nền tảng quốc gia.	Cục Chuyển đổi số	Vụ KHCN; các Cục chuyên ngành; đầu mối Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công an và các bộ, ngành liên quan.	Danh mục dữ liệu, đầu mối, kế hoạch phối hợp; kết quả kết nối, trao đổi dữ liệu và kiểm thử.	Tháng 10/2026 và theo kế hoạch phối hợp thống nhất
6	Lựa chọn sản phẩm, chuỗi, địa phương và đơn vị phối hợp; hoàn thành kế hoạch, phân công bằng văn bản lãnh đạo phụ trách, công chức đầu mối.	Các Cục: TTBVTV; CNTY; TSKN; LNKL; CLCBPTTT.	Sở NNMT; doanh nghiệp, hợp tác xã; chủ thể trong chuỗi; đơn vị cung cấp giải pháp.	Kế hoạch theo từng sản phẩm, chuỗi; phân công lãnh đạo, công chức đầu mối; kết quả và thời hạn; gửi Vụ KHCN tổng hợp, theo dõi.	20/10/2026
7	Cụ thể hóa quy định chuyên ngành thành quy trình hoặc bảng kiểm; xác định công đoạn, dữ liệu tối thiểu, mã lô, thời điểm ghi nhận, trách nhiệm cập nhật, kiểm tra, chia sẻ.	Các Cục: TTBVTV; CNTY; TSKN; LNKL; CLCBPTTT.	Cục Chuyển đổi số; Vụ Pháp chế; địa phương; chủ thể trong chuỗi.	Quy trình hoặc bảng kiểm; danh mục dữ liệu, nguồn tạo lập, người cập nhật, người kiểm tra và thời hạn đồng bộ.	30/10/2026
8	Rà soát, chuẩn hóa, kết nối dữ liệu chuyên ngành; liên kết hồ sơ nguồn gốc, giấy phép, chứng thư và dữ liệu sản phẩm, lô hàng.	Các Cục: TTBVTV; CNTY; TSKN; LNKL; CLCBPTTT.	Cục Chuyển đổi số; đơn vị quản lý dữ liệu; địa phương; chủ thể cung cấp dữ liệu.	Danh mục nguồn dữ liệu, phạm vi chia sẻ; dữ liệu tích hợp; kết quả đối soát và phương án xử lý dữ liệu chưa liên thông.	30/10/2026
9	Tổ chức ghi nhận, số hóa, đồng bộ dữ liệu; kiểm thử đầy đủ các công đoạn phát sinh của sản phẩm, chuỗi lựa	Các Cục: TTBVTV; CNTY; TSKN;	Cục Chuyển đổi số; địa phương; doanh nghiệp, hợp tác xã;	Mỗi Cục kiểm thử ít nhất 01 sản phẩm trên 01 chuỗi, 01 lô hàng hoặc	15/11/2026

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

	chọn trên lô hàng thực tế.	LNKL; CLCBPTTT.	đơn vị cung cấp giải pháp.	mẻ sản xuất thực tế; danh mục lỗi và kết quả xử lý.	
10	Hoàn thành TXNG điện tử toàn trình; xác nhận kết quả, bố trí đầu mối duy trì và mở rộng sản phẩm, chuỗi, địa bàn.	Các Cục: TTBVTV; CNTY; TSKN; LNKL; CLCBPTTT.	Cục Chuyển đổi số; địa phương; doanh nghiệp, hợp tác xã; đơn vị cung cấp giải pháp.	Ít nhất 01 sản phẩm/Cục đạt Phụ lục II; hồ sơ xác nhận, kết quả tra cứu, đối soát và phương án duy trì.	30/11/2026; duy trì, mở rộng sau giai đoạn
11	Tiếp tục TXNG điện tử toàn trình chuỗi sầu riêng xuất khẩu; liên kết dữ liệu vùng trồng, thu hoạch, thu mua, đóng gói, kiểm nghiệm, kiểm dịch, xuất khẩu; kiểm thử, đối soát lô hàng thực tế.	Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.	Cục Chuyển đổi số; Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường; Sở Nông nghiệp và Môi trường; doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị cung cấp giải pháp.	Chuỗi sầu riêng xuất khẩu được truy xuất toàn trình trên lô hàng thực tế; kết quả tra cứu, đối soát và hồ sơ xác nhận.	30/11/2026; tiếp tục duy trì, mở rộng
12	Tổ chức TXNG thực phẩm chế biến quy mô công nghiệp; liên kết lô nguyên liệu, công đoạn chế biến, lô thành phẩm và tiêu thụ.	Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường	Cục quản lý nguồn nguyên liệu; Cục Chuyển đổi số; địa phương; cơ sở chế biến.	Ít nhất 01 sản phẩm chế biến hoàn thành TXNG điện tử toàn trình, thuộc kết quả của Cục tại nhiệm vụ 10.	30/11/2026
13	Kiểm tra, đối soát, xác nhận kết quả theo tiêu chí; xử lý sai lệch, lập và lưu hồ sơ minh chứng.	Các Cục: TTBVTV; CNTY; TSKN; LNKL; CLCBPTTT; CĐS.	Chủ thể tạo lập, cung cấp dữ liệu; đơn vị giải pháp; Vụ KHCN.	Phiếu xác nhận theo Phụ lục II; hồ sơ kiểm thử, đối soát và kết quả khắc phục; gửi Vụ KHCN.	Hoàn thành xác nhận 30/11/2026; gửi hồ sơ chậm nhất 02/12/2026

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

14	Rà soát, đề xuất xử lý vướng mắc về áp dụng pháp luật, trách nhiệm cung cấp, chia sẻ, sử dụng dữ liệu và lộ trình thực hiện.	Vụ Pháp chế.	Vụ KHCN; Cục Chuyển đổi số; các Cục chuyên ngành.	Ý kiến hướng dẫn, phương án xử lý hoặc kiến nghị Lãnh đạo Bộ quyết định.	30/10/2026; tiếp tục xử lý khi phát sinh
15	Tổng hợp nhu cầu, tham mưu bố trí kinh phí vận hành, kết nối, triển khai; hướng dẫn lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí.	Vụ Kế hoạch - Tài chính.	Cục Chuyển đổi số; các Cục chuyên ngành; Vụ KHCN.	Phương án kinh phí, dự toán và hướng dẫn thực hiện; danh mục hạ tầng, phần mềm, dữ liệu được kế thừa.	30/10/2026
16	Tổ chức tập huấn, hướng dẫn ghi chép, số hóa, cập nhật dữ liệu và thực hành TXNG tại các chuỗi được lựa chọn.	Trung tâm Khuyến nông quốc gia.	Các Cục chuyên ngành; Sở NNMT; lực lượng khuyến nông; doanh nghiệp, hợp tác xã.	Tài liệu hướng dẫn; danh sách chuỗi, cơ sở được hỗ trợ; kết quả thực hành và nội dung cần xử lý.	Từ 25/10 đến 30/11/2026
17	Điều phối, theo dõi, đôn đốc; tổng hợp tiến độ, kết quả; tham mưu xử lý vướng mắc và cập nhật nhiệm vụ trên Hệ thống theo dõi Nghị quyết số 57-NQ/TW.	Vụ Khoa học và Công nghệ.	Các đơn vị chủ trì, phối hợp; Văn phòng Bộ.	Biểu theo dõi hằng tuần; báo cáo định kỳ; báo cáo kết quả giai đoạn, hồ sơ minh chứng và kiến nghị.	Thứ Sáu hằng tuần; trước ngày 25 hằng tháng; tổng hợp 05/12/2026

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Phụ lục II

TIÊU CHÍ XÁC NHẬN KẾT QUẢ VÀ BIỂU THEO DÕI THỰC HIỆN

(Kèm theo Công văn số /BNNMT-KHCN ngày tháng 10 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

TT	Tiêu chí	Yêu cầu phải đạt	Minh chứng
1	Sản phẩm, chuỗi và trách nhiệm	Xác định sản phẩm, chuỗi, địa bàn, chủ thể tham gia, Cục chủ trì, đơn vị phối hợp, lãnh đạo phụ trách và công chức đầu mối.	Danh mục sản phẩm; sơ đồ chuỗi; phân công và kế hoạch phối hợp.
2	Quy trình và dữ liệu	Xác định công đoạn, dữ liệu tối thiểu, mã lô, nguồn tạo lập, người cập nhật, người kiểm tra, thời hạn cập nhật, lưu trữ và phạm vi chia sẻ theo quy định chuyên ngành.	Quy trình hoặc bảng kiểm; danh mục dữ liệu; phân quyền; văn bản chuyên ngành áp dụng.
3	Dữ liệu điện tử toàn trình	Có ít nhất 01 lô hàng hoặc mẻ sản xuất thực tế; dữ liệu liên kết đầy đủ từ nguồn đến phân phối, tiêu thụ hoặc xuất khẩu, bao gồm các khâu trung gian, giao nhận, chia, ghép lô phát sinh.	Mã lô; hồ sơ nguồn; nhật ký sản xuất; chứng từ giao nhận; khối lượng và quan hệ lô nguyên liệu, thành phẩm.
4	Kết nối, cập nhật và bảo vệ dữ liệu	Dữ liệu kết nối với Hệ thống, được ghi nhận theo thời điểm phát sinh, đồng bộ theo thời hạn nghiệp vụ; có nhật ký thao tác, phân quyền, sao lưu và đáp ứng yêu cầu an toàn thông tin.	Nhật ký truyền nhận; thời điểm phát sinh, cập nhật, đồng bộ; kết quả kiểm thử và đánh giá an toàn thông tin.
5	Truy xuất và đối soát	Truy ngược đến nguồn, truy xuôi đến bên tiếp nhận; đối soát được chủ thể, mã lô, thời gian, khối lượng và hồ sơ qua các công đoạn.	Kết quả tra cứu; bảng đối soát dữ liệu trên Hệ thống với dữ liệu nguồn, chứng từ.
6	Xác nhận và duy trì	Cục chuyên ngành xác nhận kết quả nghiệp vụ, dữ liệu; Cục Chuyển đổi số xác nhận kỹ thuật; xác định đầu mối, phương án duy trì cập nhật và mở rộng sau ngày 30/11/2026.	Phiếu xác nhận; biên bản kiểm thử, đối soát; tài liệu minh chứng và phương án duy trì.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật